

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Bùi Thị Yến
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN VẬN TẢI TAXI CÁT BI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Yến
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Yến

Mã SV: 1412401142

Lớp: QT1806K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải taxi Cát Bi

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định KQKD tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định KQKD nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Sử dụng số liệu năm 2017 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty Cổ phần vận tải taxi Cát bi

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần vận tải taxi Cát Bi.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty Cổ phần vận tải taxi Cát bi

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Bùi Thị Yến

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên : Trần Thị Thanh Thảo
Đơn vị công tác : Khoa Quản Trị Kinh Doanh
Họ và tên sinh viên : Bùi Thị Yến Ngành: Kế toán kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty Cổ phần vận tải Taxi Cát Bi
Nội dung hướng dẫn : Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên Bùi Thị Yến trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp đã chấp hành tốt các yêu cầu quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian cũng như nội dung yêu cầu của bài viết. Hơn nữa sinh viên Yến còn chăm chỉ chịu khó nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu về lý thuyết cũng như thực tế tại đơn vị thực tập phục vụ cho nội dung bài viết.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

+Về lý luận: Đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo TT133.

+Về thực tiễn: Đã mô tả được chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải Taxi Cát Bi theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu năm 2017. Các số liệu tính toán minh họa khá phong phú đảm bảo tính logic theo trình tự kế toán từ chứng từ đến sổ sách kế toán đáp ứng được yêu cầu của bài khóa luận tốt nghiệp cử nhân. Từ việc đưa ra số liệu về tính hình thực tế tại công ty bài viết đã phân tích các ưu nhược điểm và đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải Taxi Cát Bi nói riêng. Kiến nghị có tính khả thi áp dụng tại đơn vị.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp:

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	6
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	12
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:.....	16
1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	16
1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:	17
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	20
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác	23
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	27
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TAXI CÁT BI	35
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	35
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.....	35
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	36
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.....	36
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	37
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	40
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	40
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40
2.2.1.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	45

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	49
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	58
2.2.3. Nội dung kế toán doanh thu khác, chi phí khác hoạt tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	65
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	65
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TAXI CÁT BI.....	76
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.....	76
3.1.1. Ưu điểm	76
3.1.2. Hạn chế	76
3.1.2.1 Về ứng dụng phần mềm kế toán	76
3.1.2.2 Về công tác theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn hàng bán	77
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	77
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	77
3.4. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi	78
3.4.1. Kiến nghị 1: Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán.....	78
3.4.2. Kiến nghị 2: Mở sổ mở bảng tổng hợp theo dõi doanh thu, chi phí của tất cả các xe trong hãng.	79
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.	83
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	83
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	83
KẾT LUẬN.....	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	85

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hệ thống các công cụ quản lý thì kế toán là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu nhất. Nó là nguồn thông tin, số liệu đáng tin cậy để Nhà nước điều hành nền kinh tế, kiểm tra và kiểm soát hoạt động của các ngành, các khu vực.

Trong nền kinh tế hiện nay thì xu hướng tất yếu chung của các nhà đầu tư, các chủ doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ đều hướng tới mục tiêu là đạt được lợi nhuận. Họ rất quan tâm đến kết quả cuối cùng trong một thời gian (tháng, quý, năm) mà họ đã bỏ vốn ra để đầu tư kinh doanh, sản xuất. Điều đó dẫn đến bộ phận kế toán tại doanh nghiệp phải theo dõi sát quá trình mua bán hàng cho đến khi xác định kết quả kinh doanh để hạch toán nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời, chính xác. Thực hiện tốt quá trình này sẽ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh, bù đắp chi phí, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, đầu tư phát triển, nâng cao đời sống lao động.

Hệ thống kế toán tại các đơn vị đóng vai trò rất quan trọng, đặc biệt đối với các công ty kinh doanh theo lĩnh vực thương mại thì việc mua bán hàng và xác định kết quả kinh doanh mang tính cấp thiết.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi nên em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi”** làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phạm vi nghiên cứu: Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.

CHƯƠNG 1:

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

**Bán hàng:* là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

**Sản phẩm sản xuất:* là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

**Sản phẩm tiêu thụ:* là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

**Doanh thu:* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

– *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:* là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu:* doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn

với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 –“ Doanh thu và thu nhập khác”
Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm kê, kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Đối với các giao dịch cung cấp dịch vụ chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

* *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được bằng tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa gia công.
- Đối với hàng hóa bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

– Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

– Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

– Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

– Ghi chép, phản ánh chính, đầy đủ kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh

– Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác của doanh nghiệp

– Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục, và địa điểm phát sinh chi phí

– Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng tồn kho cuối kỳ lớn

– Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp

– Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

* *Các phương thức tiêu thụ chủ yếu trong các doanh nghiệp*

– Phương thức bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng

được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua - bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biểu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

* *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, séc thanh toán,

sec chuyên khoản...

* *Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ.

– Nguyên tắc hạch toán: chỉ hạch toán vào tài khoản 511 số Doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ, đã xác định là tiêu thụ. Giá bán được hạch toán là giá bán thực tế, là số tiền ghi trên hóa đơn.

- Kết cấu tài khoản 511

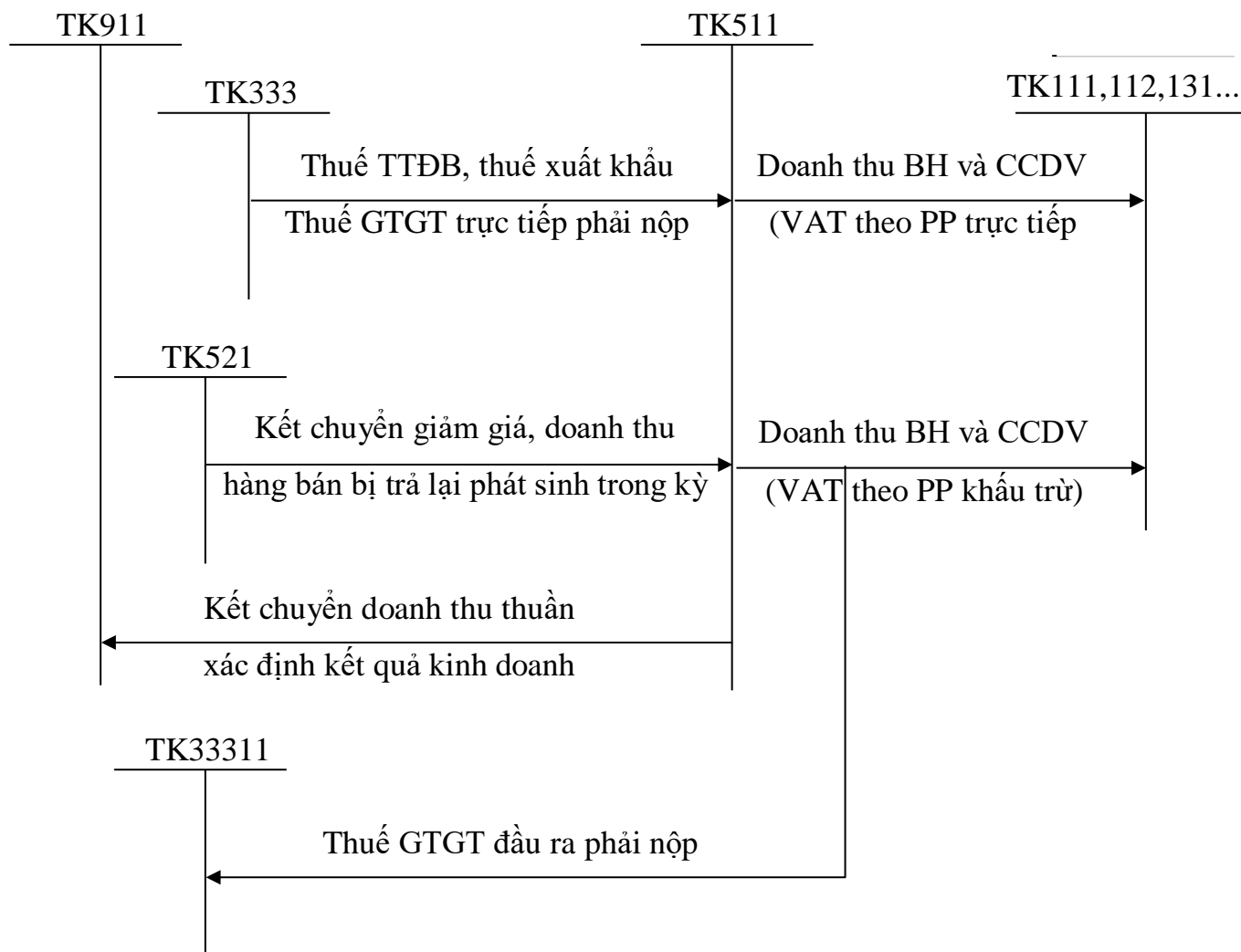
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán hàng trong kỳ (thuế TTĐB, thuế XNK, thuế GTGT theo pp trực tiếp) • Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu bán hàng bị trả lại • Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911”xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán • Các khoản doanh thu trợ cấp trợ giá, phụ thu mà doanh nghiệp được hưởng 	

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- + TK 5118: Doanh thu khác

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan
- Biên bản xác nhận giảm giá hàng bán
- Biên bản xác nhận hàng bán bị trả lại, và các chứng từ khác.

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng mua với số lượng lớn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại mà hai bên đã thống nhất ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán.

Nguyên tắc hạch toán:

Chỉ hạch toán vào tài khoản này là chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần đạt tới số lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại, thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng”

Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn đc hưởng CKTM, giá bán phản ánh trên hóa đơn vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ khoản CKTM

Kết cấu TK 5211:

Nợ	TK 5211	Có
<ul style="list-style-type: none"> Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng 	<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán 	
Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm hàng hóa đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách..) được doanh nghiệp chấp nhận.

Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do hàng bị trả lại, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại trên.

Kết cấu TK 5212:

Nợ	TK 5212	Có
<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa bán ra 	<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ (TK 511) 	
TK 5212 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận trên giá thỏa thuận.

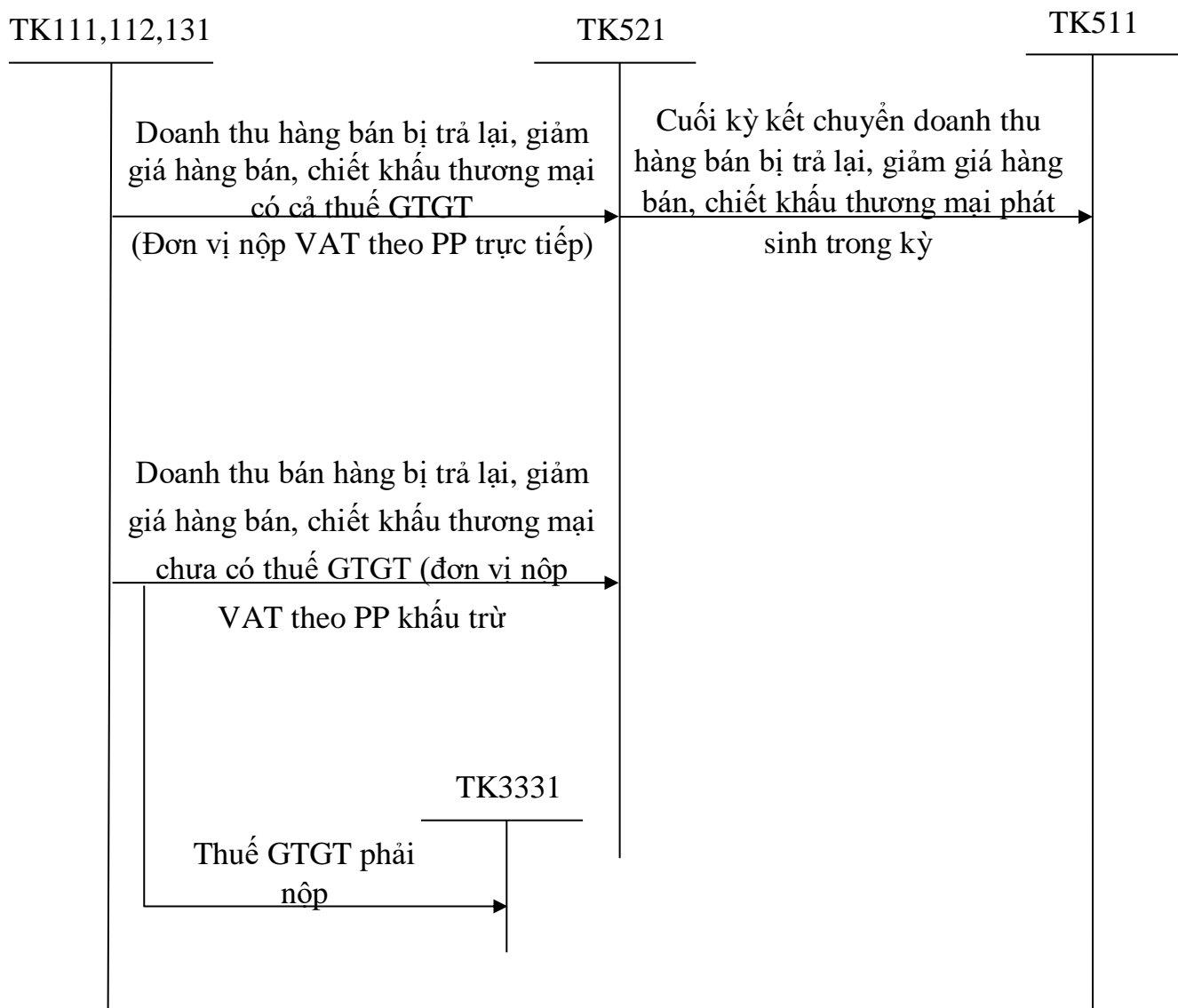
Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Chỉ phản ánh vào tài khoản 5213 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là khi đã có hoá đơn bán hàng

Kết cấu TK 5213:

Nợ	TK5213	Có
<ul style="list-style-type: none"> Các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận 	<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán trừ vào doanh thu 	
TK 5213 không có số dư cuối kỳ		

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:

* Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\begin{aligned} & \text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \\ \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ} & = \frac{\text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}} \\ \text{của hàng I} & \\ & + \text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & \text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \\ \text{Giá đơn vị bình quân sau} & = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } j} \\ \text{lần nhập } j \text{ của hàng I} & \text{ của hàng I} \end{aligned}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

- Phương pháp bán lẻ:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu xuất kho

* *Tài khoản sử dụng:*

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...

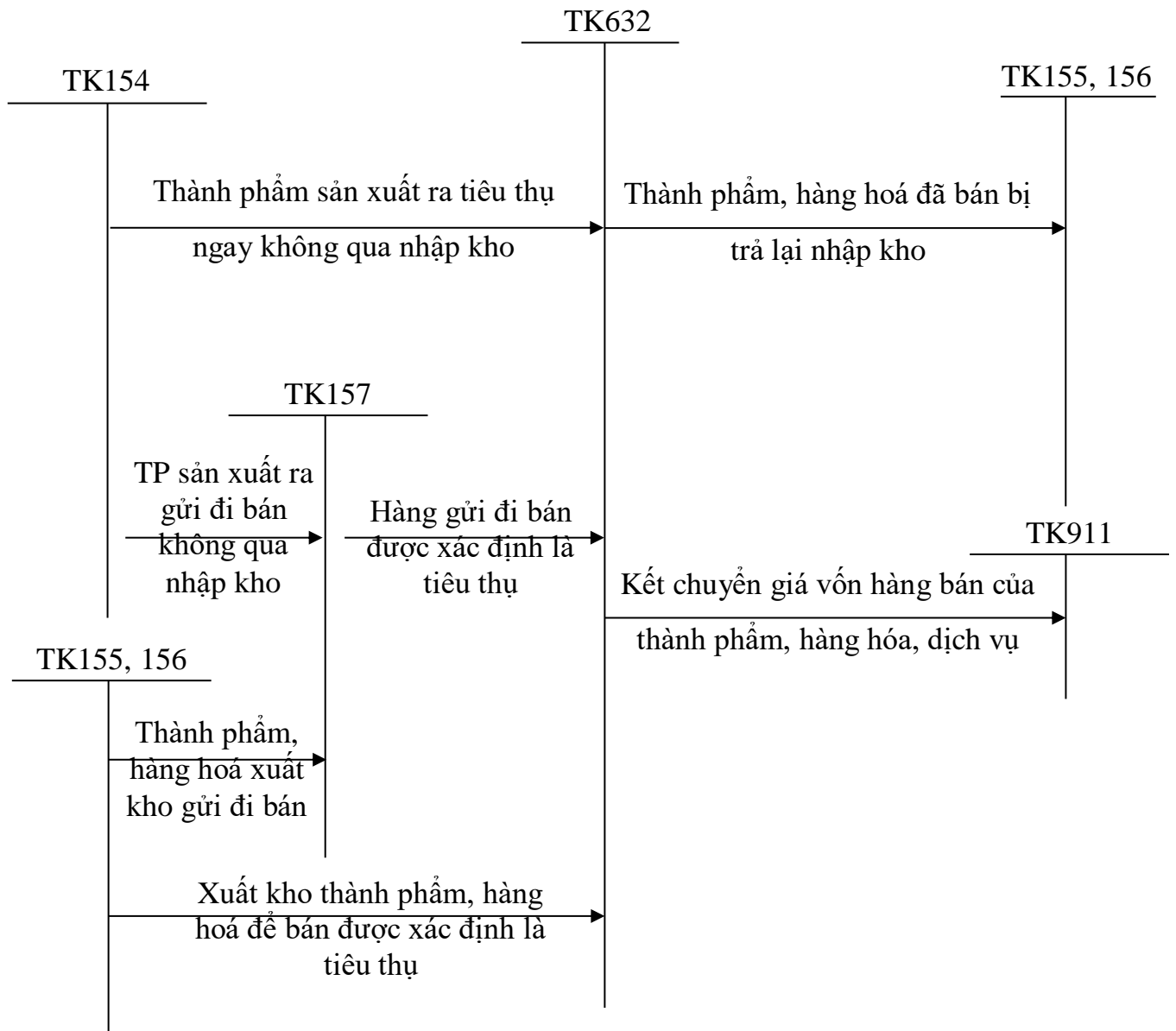
Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như: chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kế cấu tài khoản:

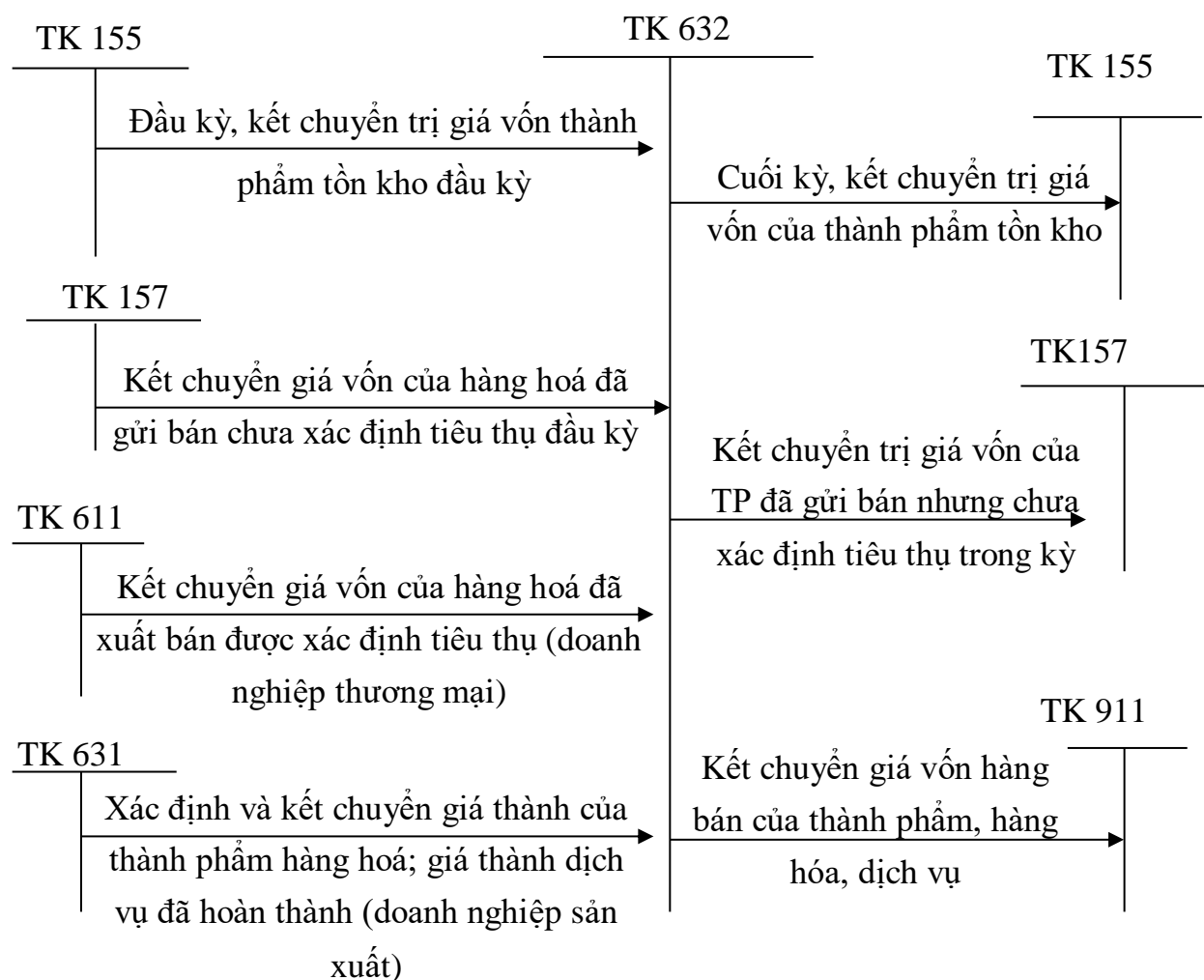
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none">• Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.• Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường,• Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ• Các hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra• Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước		<ul style="list-style-type: none">• Kết chuyển giá vốn hàng bán tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh• Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

* *Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:

1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

- * Chứng từ sử dụng:
- + Hóa đơn thuế GTGT
- + Phiếu chi
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Các chứng từ khác có liên quan

- * Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh những chi phí trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ bộ phận bán hàng, chi phí thuê kho bãi, đóng gói, vận chuyển giao hàng...

Kết cấu tài khoản 641:

Nợ	TK 641 – Chi phí bán hàng	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, kết chuyển toàn bộ chi phí bán hàng sang TK911

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác
- + *Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN*

1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ
- + Bảng kê thanh toán tạm ứng
- + Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ quản lý doanh nghiệp gồm CP lương bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, thuế nhà đất, thuế môn bài, chi phí dự phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Kết cấu tài khoản:

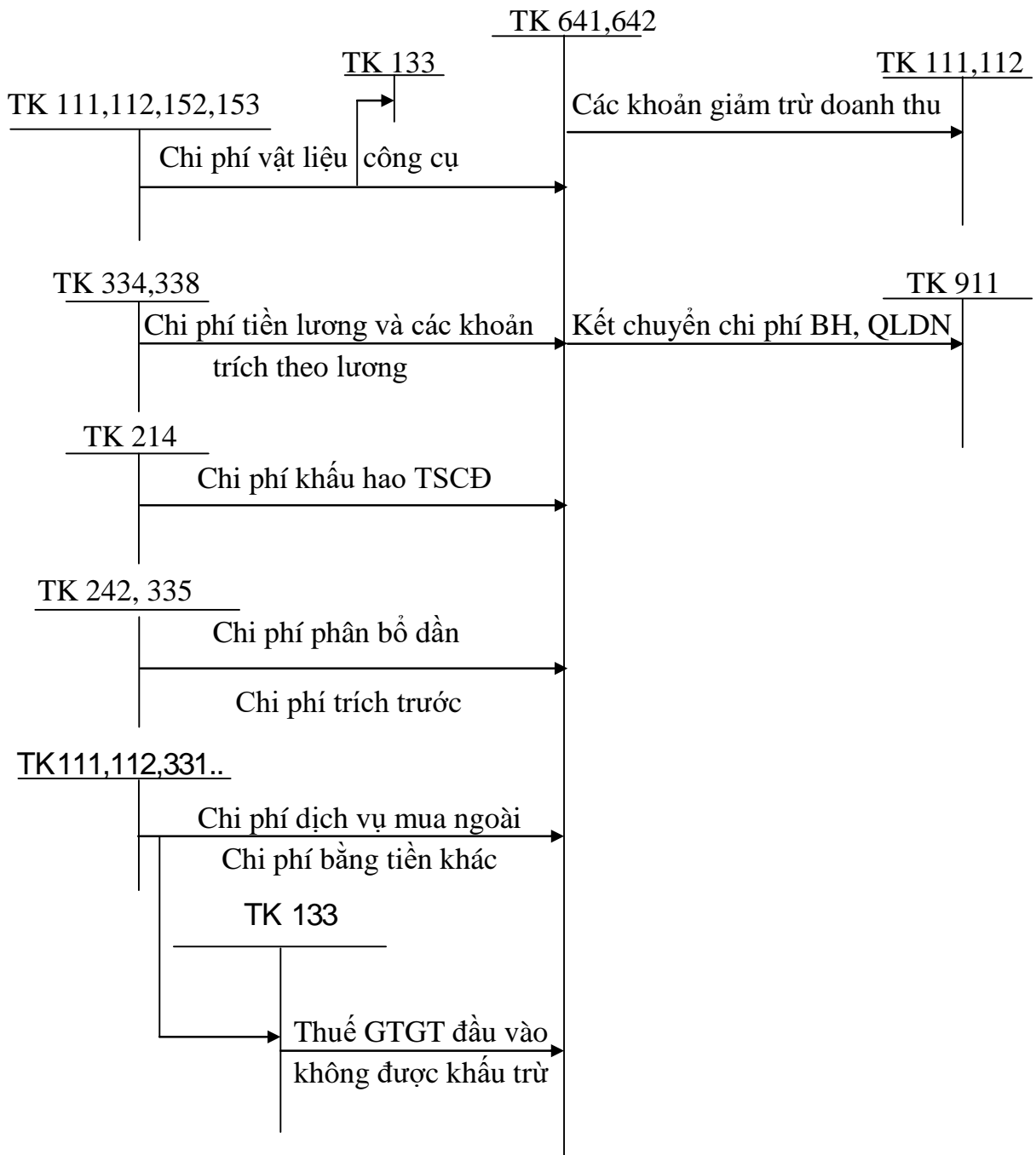
Nợ	TK 642 – Chi phí QLDN	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Các chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ • Trích lập và trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả 		<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản ghi giảm chi phí QLDN • Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả • Kết chuyển chi phí QLDN vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 6421: chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

* Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

- * *Chứng từ sử dụng:*
 - + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
 - + Phiếu thu, phiếu chi
 - + Các chứng từ có liên quan
- * *Tài khoản sử dụng:*

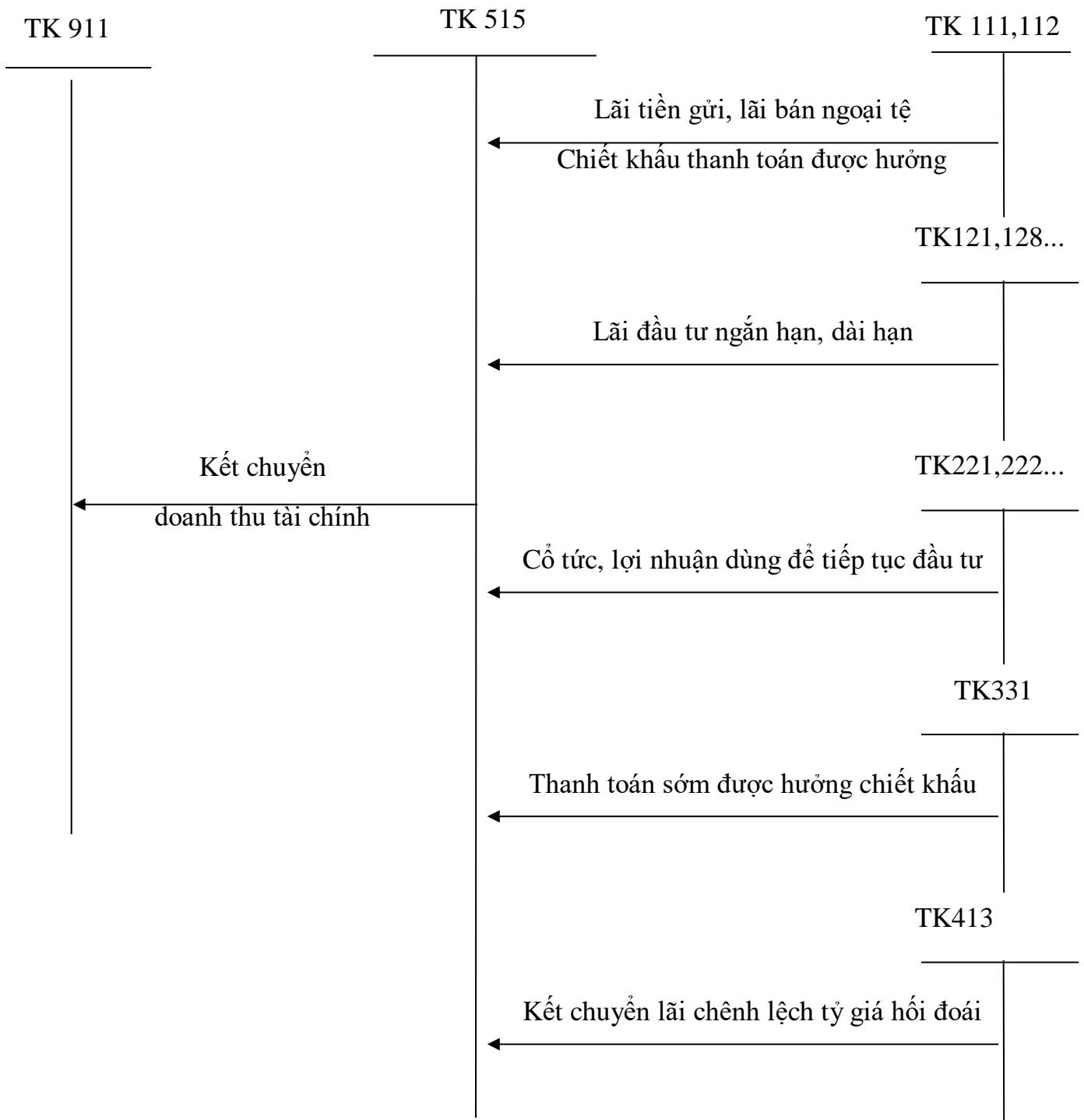
Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ, lợi nhuận được chia từ đầu tư cổ phiếu, thu nhập về từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515 – Doanh thu HĐTC	Có
<ul style="list-style-type: none">• Số thuế GTGT phải nộp theo pp trực tiếp (nếu có)• Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 – xác định kết quả kinh doanh		<ul style="list-style-type: none">• Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm,...• Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.• Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.• Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ.• Chiết khấu thanh toán được hưởng

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính tài chính

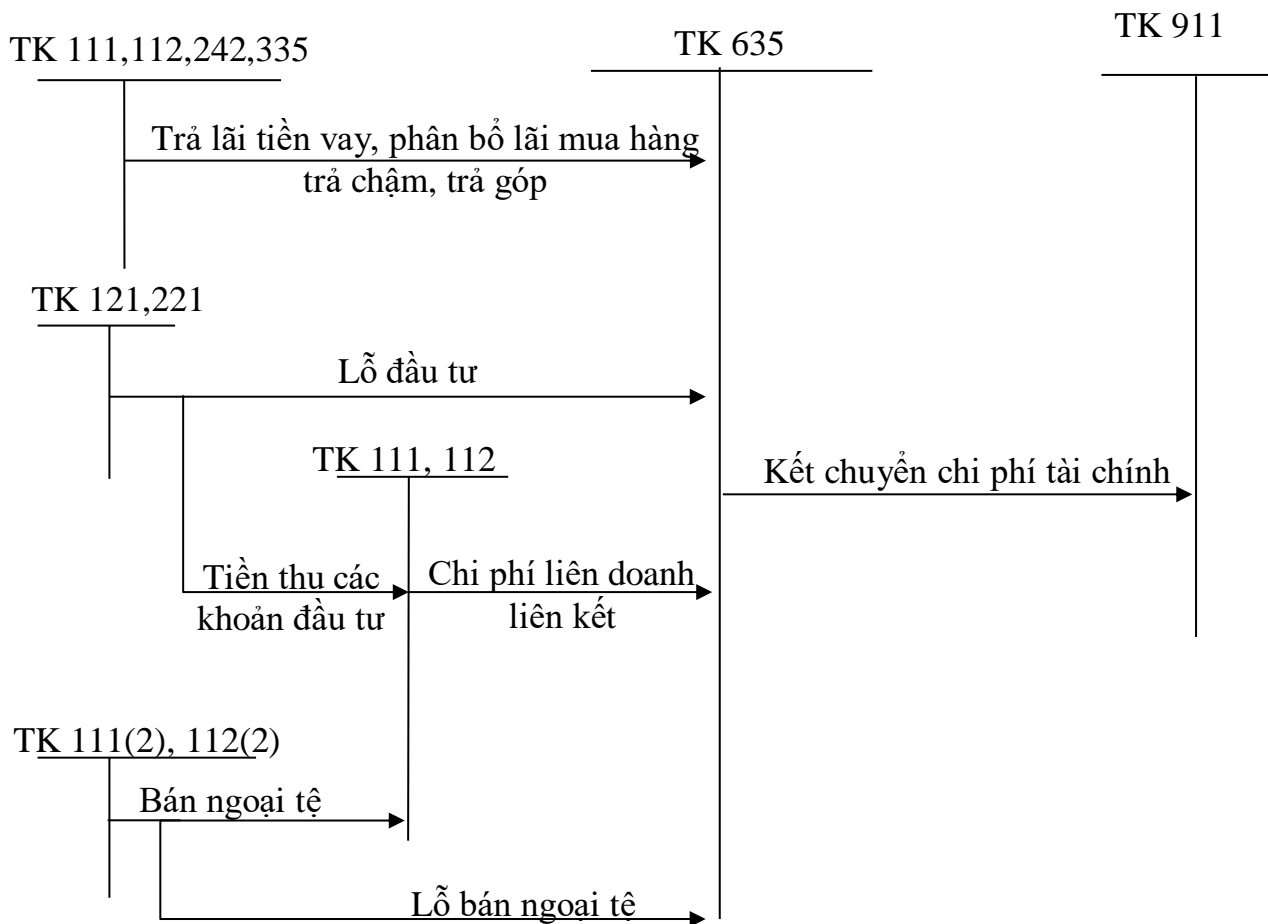
Tài khoản này phản ánh các chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán....

Kế cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none">• Các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...		<ul style="list-style-type: none">• Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán chi phí tài chính



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác

* Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng

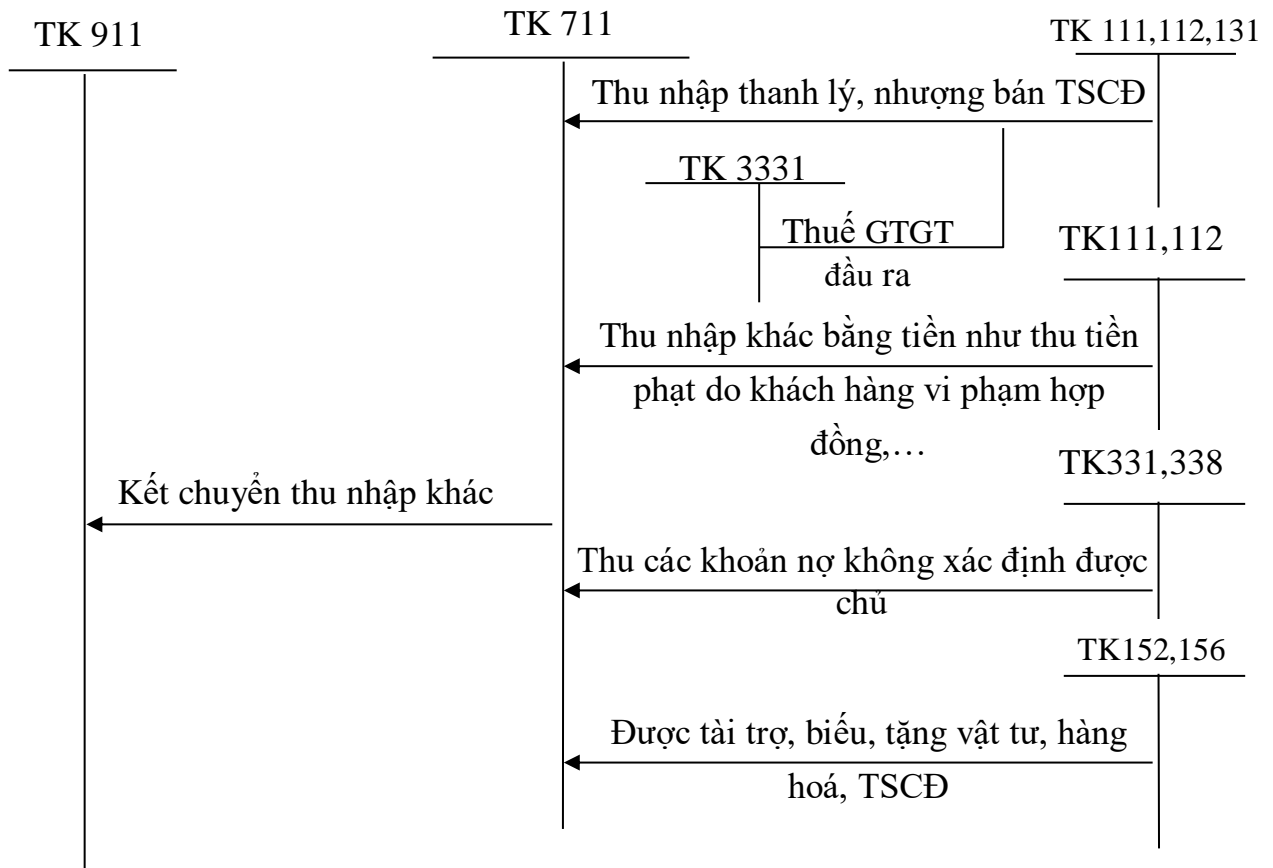
Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên như: thu từ nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
<ul style="list-style-type: none">• Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác• Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">• Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ• Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng• Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ• Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền mặt, hiện vật của các tổ chức, cá nhân cho doanh nghiệp• Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất• Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn thuế• Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.	

TK 711 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

Tài khoản 811 – Chi phí khác:

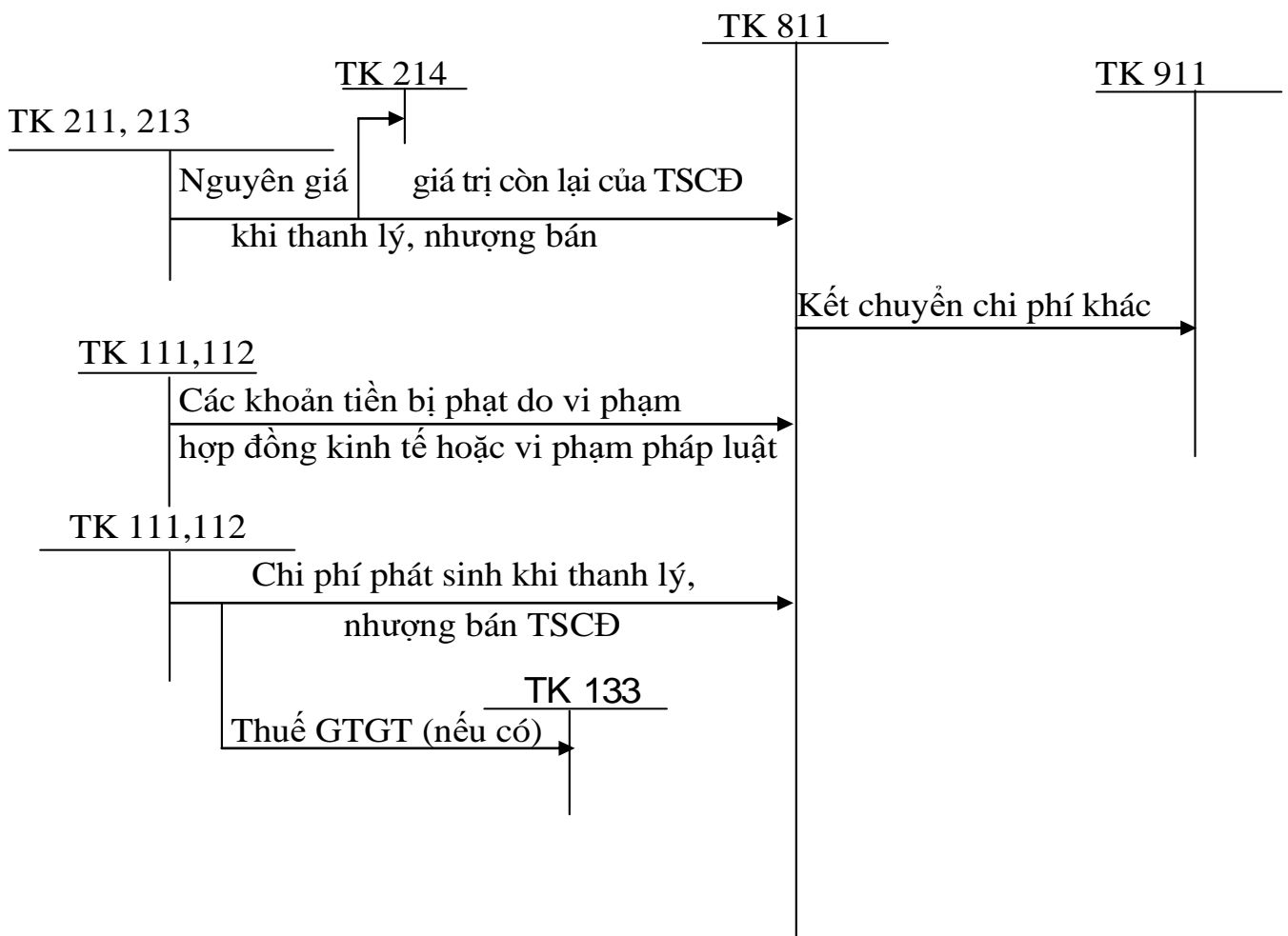
Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK811 – Chi phí khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác trong kỳ vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

** Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- + Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- + Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kế cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821 – CP thuế TNDN hiện hành	Có
<ul style="list-style-type: none">• Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm• CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót		<ul style="list-style-type: none">• Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK911 – xác định kết quả kinh doanh
TK 821 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài tài khoản:

Nợ	TK 911 – xác định KQKD	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác • Kết chuyển lãi 		<ul style="list-style-type: none"> • Tổng Doanh thu thuần tiêu thụ trong kỳ. • Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác • Kết chuyển Lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

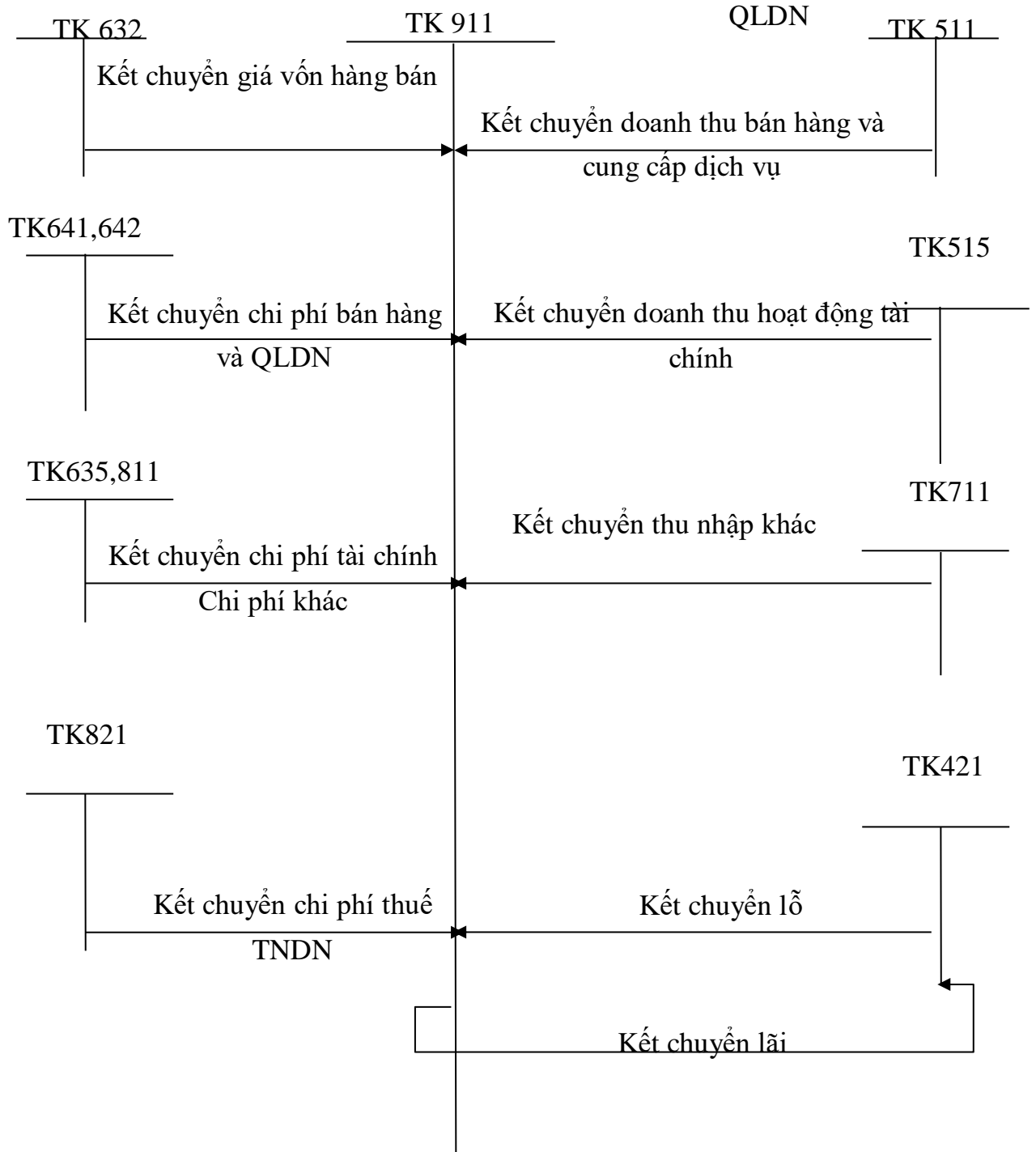
Nợ	TK 421 – LNST chưa phân phối	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp • Trích lập các quỹ của doanh nghiệp • Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu • Bổ sung vốn đầu tư của CSH 		<ul style="list-style-type: none"> • Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ • Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Tài khoản cấp 2:

- + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

* Phương pháp hạch toán

Kết chuyển chi phí BH,



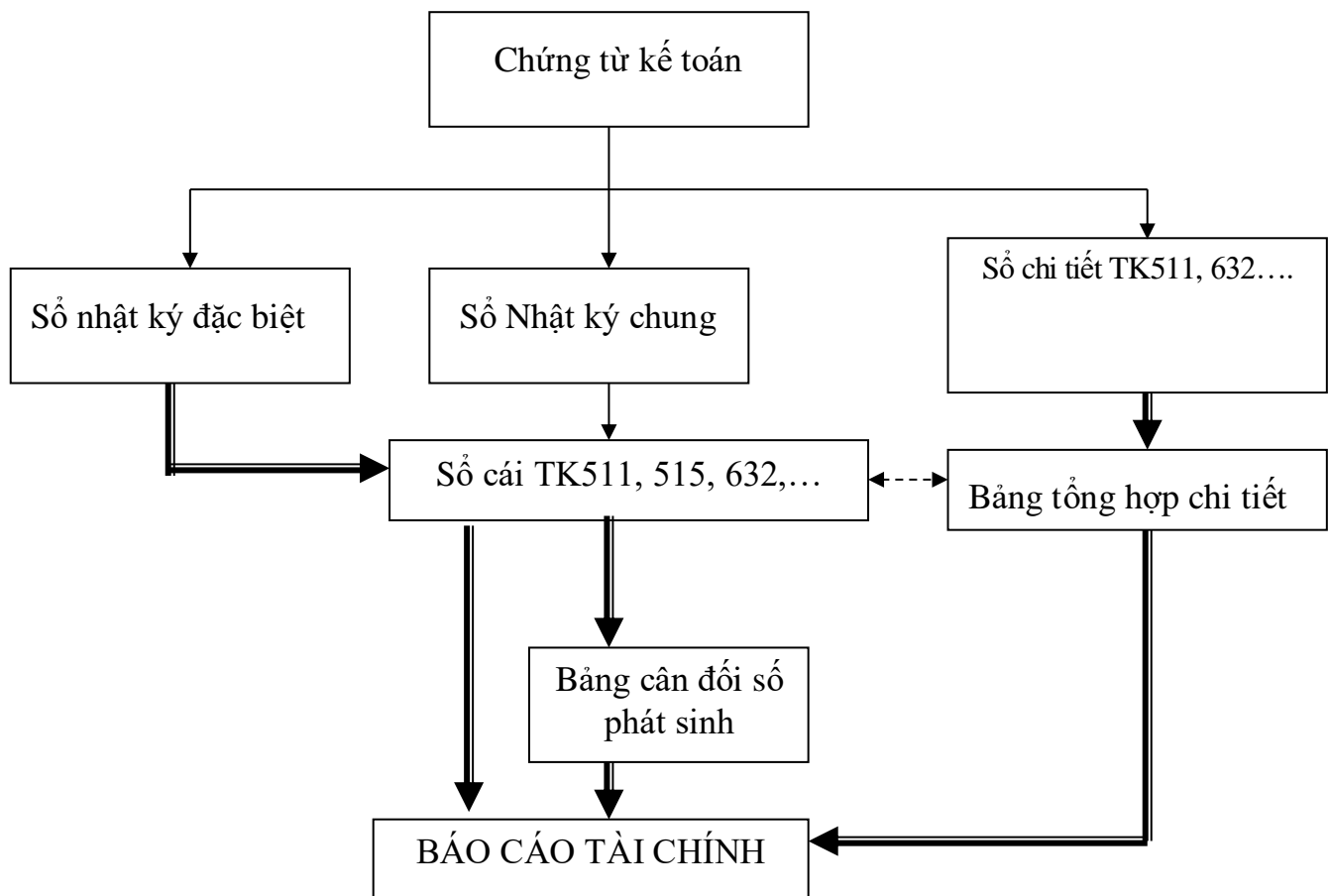
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 200/2014 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

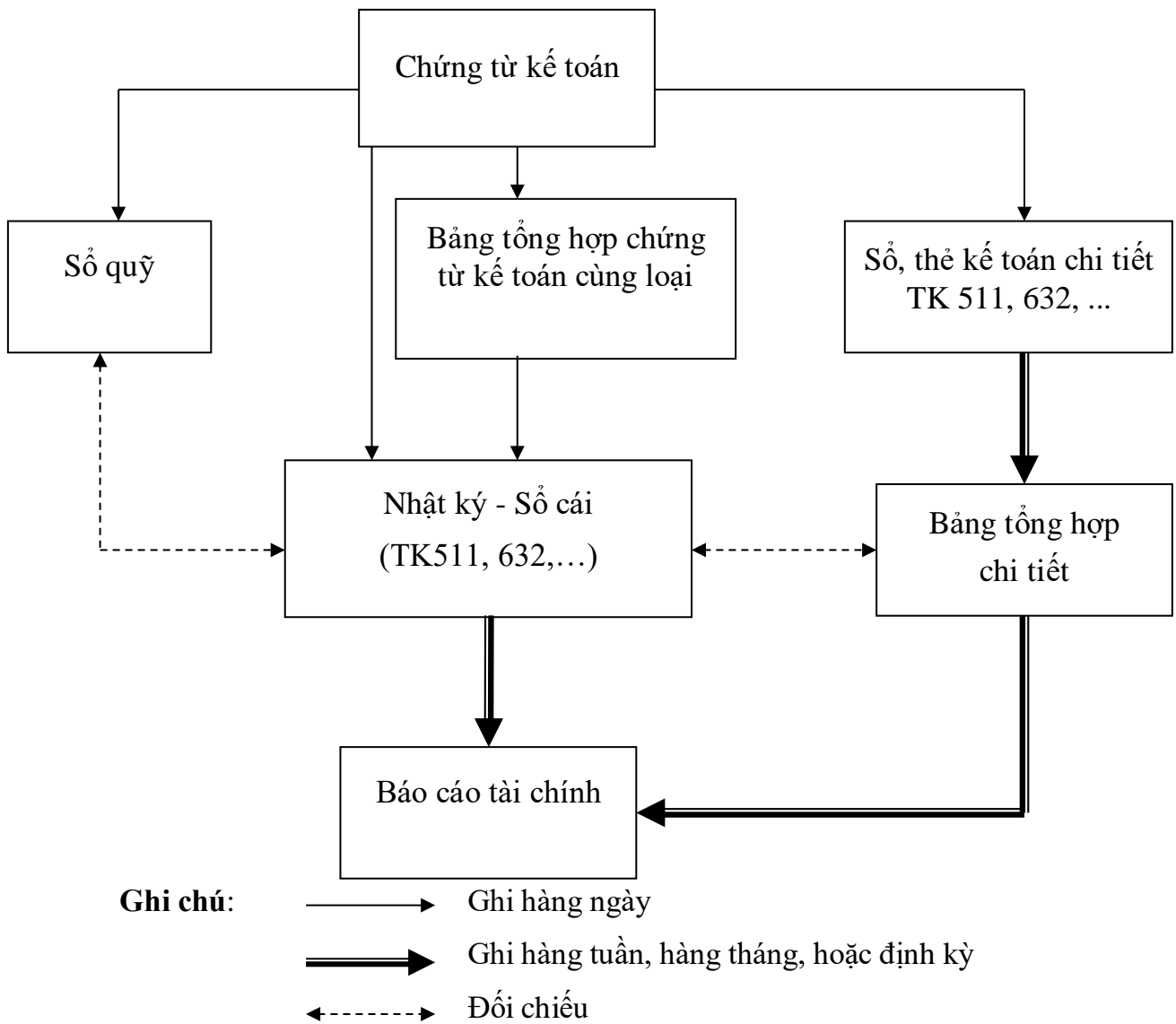
* **Hình thức kế toán Nhật ký chung**



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 <-----> Đối chiếu

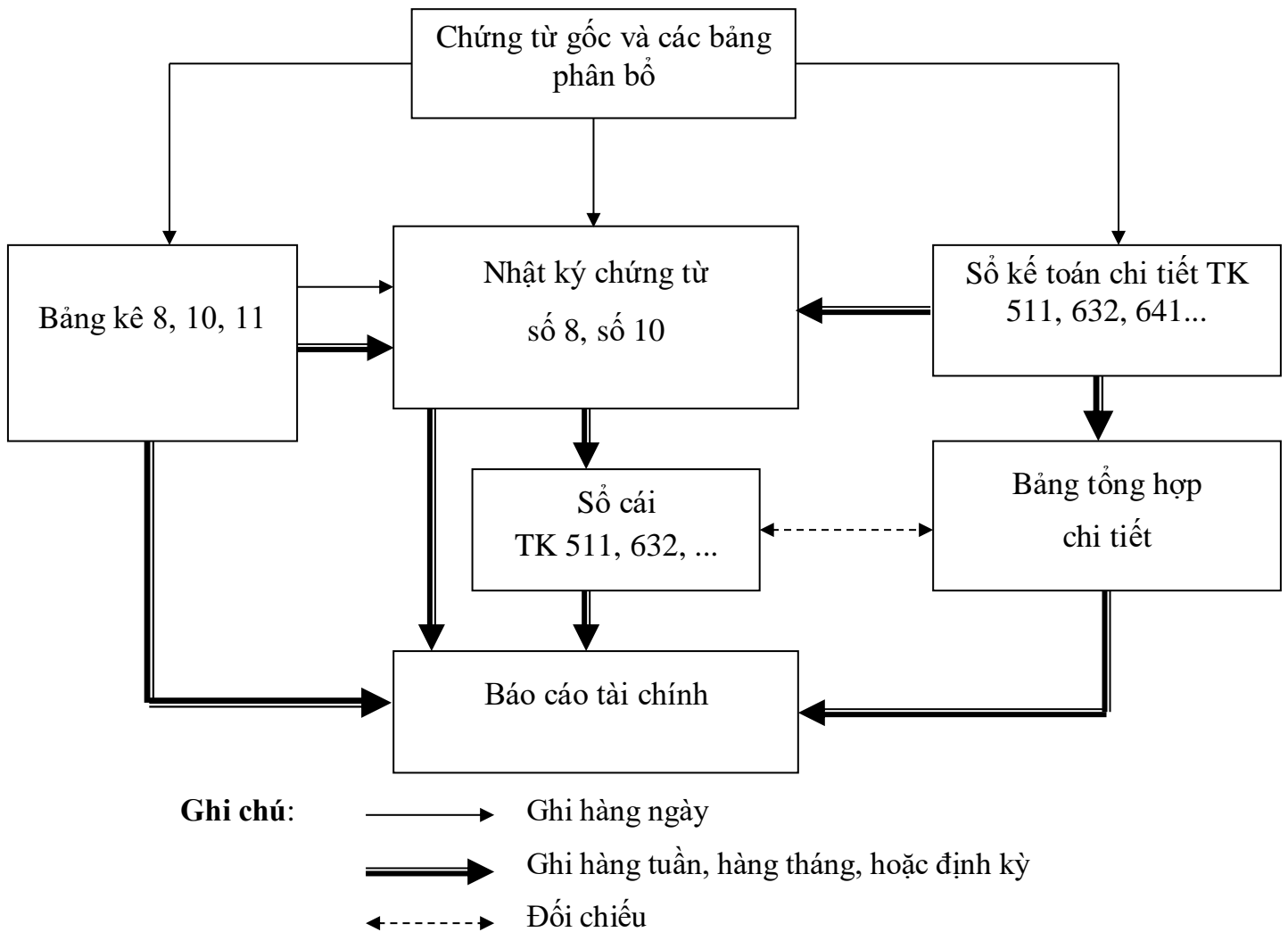
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

* Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái



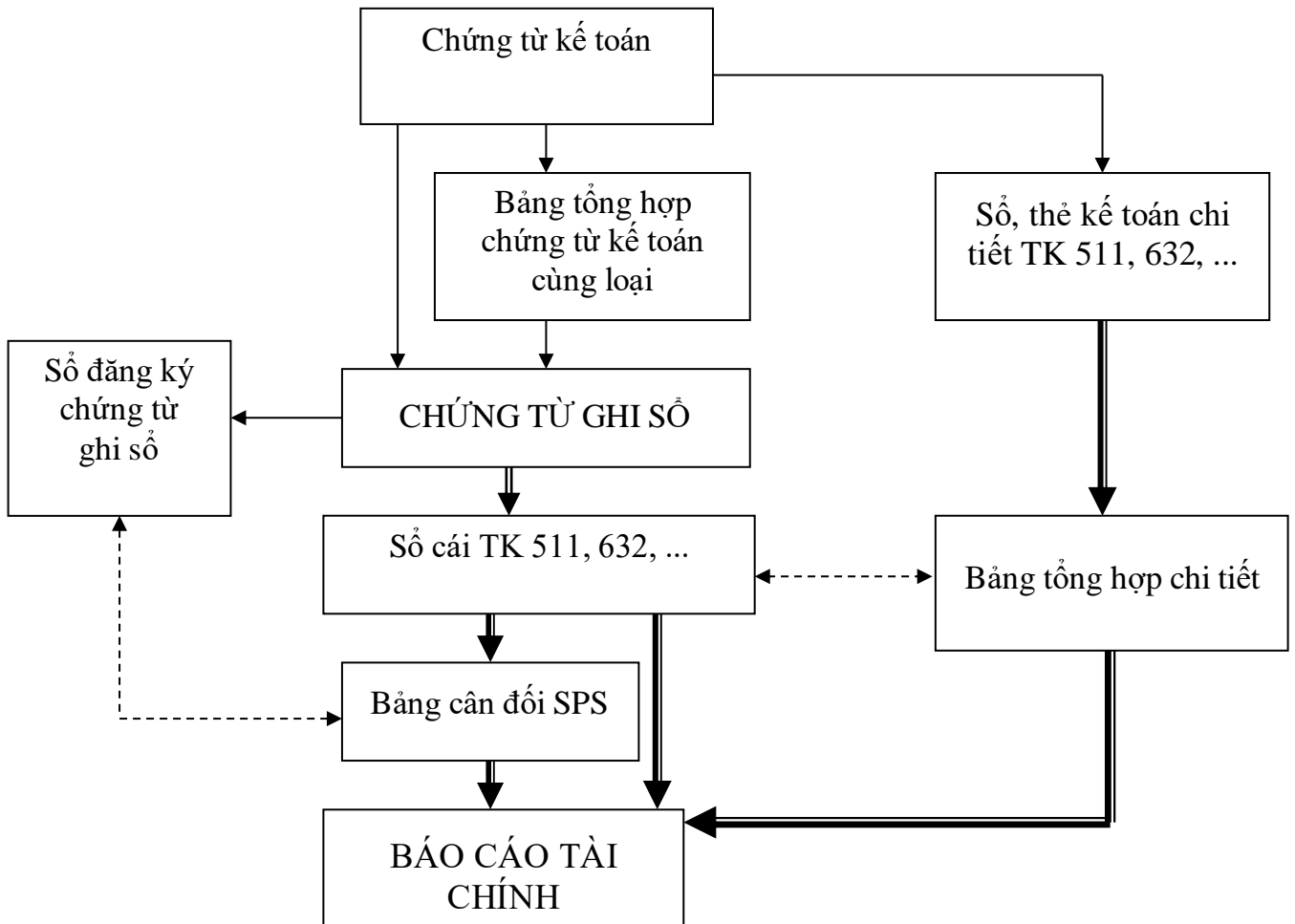
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

* Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

* Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

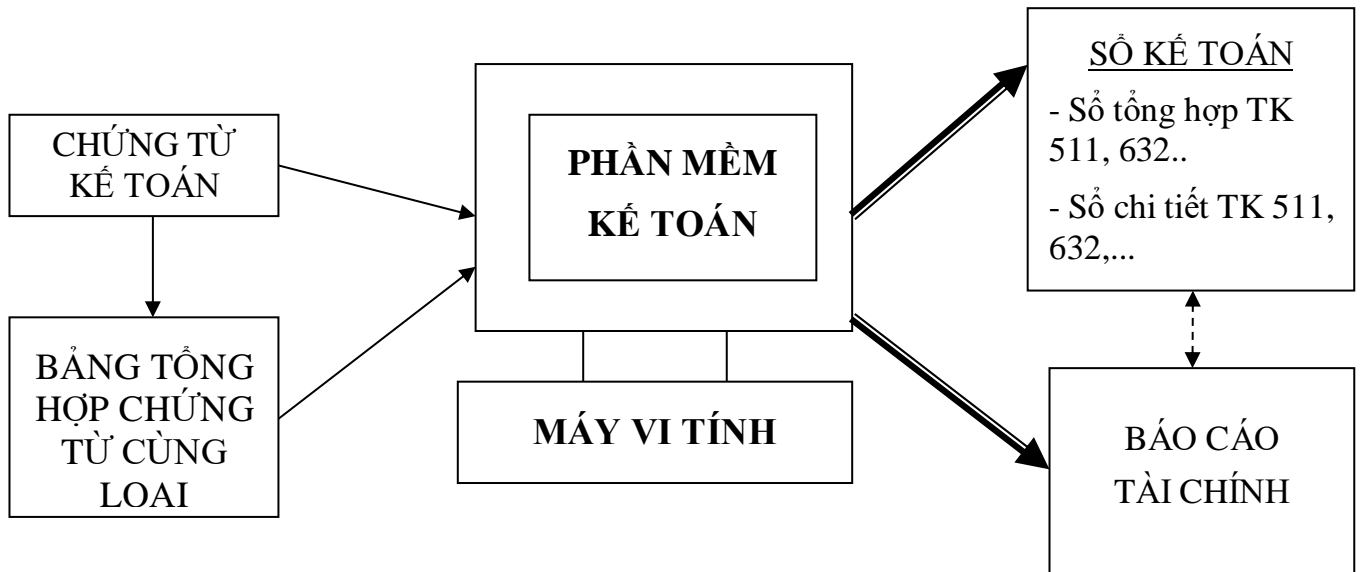


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

* Hình thức kế toán máy



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

←- - - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2:

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
TAXI CÁT BI**

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TAXI CÁT BI được thành lập từ năm 2012, hoạt động chuyên ngành và có uy tín trong lĩnh vực vận tải hành khách, đáp ứng yêu cầu khách hàng trong và ngoài nước.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TAXI CÁT BI
- Giám đốc, đại diện pháp luật: Phạm Đức Tuấn.
- Trụ sở đăng ký: Số 1027 Ngô Gia Tự, phường Thành Tô, quận Hải An, Hải Phòng.
- Ngày hoạt động: 23/4/2012.
- Giấy phép kinh doanh: 0201257206 ngày 23/4/2012 do Sở đầu tư và kế hoạch thành phố Hải Phòng cấp.
- Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi chính thức đi vào hoạt động năm 2012, trải qua một quá trình kinh doanh và phát triển. Từ khi mới thành lập cho đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên doanh nghiệp đã, đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Sau 4 năm hoạt động Công ty đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận. Công ty đã từng bước xây dựng được hệ thống khách hàng tiềm năng và luôn mở rộng thêm khách hàng mới. Nắm bắt được cơ hội phát triển của ngành vận tải hành khách Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Doanh nghiệp đã không ngừng đầu tư thêm phương tiện hiện đại hơn đảm bảo phục vụ khách hàng với chất lượng cao

- Các dịch vụ của công ty được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng khi sự cố xảy ra.
- Ngành nghề chính tại Công ty:
 - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành và ngoại thành (trừ vận tải bằng xe bus)
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
 - Bốc xếp hàng hóa

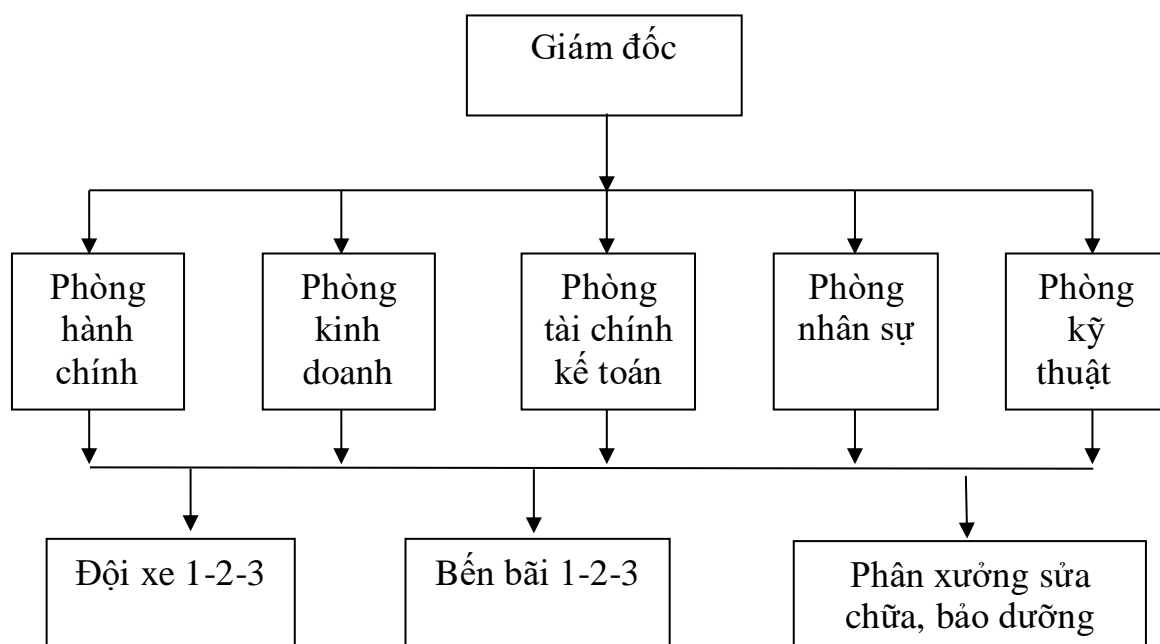
- Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Cho thuê máy móc thiết bị đồ dùng hữu hình khác.
- Chuyển phát.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hóa thủy nội địa.

2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

- Doanh thu và chi phí tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi được hạch toán riêng theo từng hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.
- Kết quả kinh doanh được tập hợp chung cho 3 hoạt động để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận trong kỳ kế toán của Công ty.
- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo năm dương lịch.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

- Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng.
- Đứng đầu Công ty là Giám đốc chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về kết quả hoạt động sản kinh doanh hàng ngày của công ty. Dưới Giám đốc là các phòng ban chức năng với những nhiệm vụ khác nhau nhưng có cùng chức năng tham mưu cho giám đốc trong quản lý, điều hành công việc. Bộ máy của công ty được thể hiện theo sơ đồ sau:



(Nguồn: Bộ phận hành chính của Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

Thuyết minh sơ đồ cơ cấu tổ chức:

- **Ban giám đốc:** là người đại diện pháp luật của công ty, là người có trách nhiệm quản lí và điều hành mọi hoạt động của công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của công ty, cụ thể:

+ Điều hành, quyết định và chịu trách nhiệm về các mặt hoạt động của công ty.

+ Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác của công ty theo quy định của pháp luật.

+ Trực tiếp kí các hợp đồng kinh tế.

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lí trong công ty.

- **Phòng hành chính:** quản lí thủ tục hành chính, chế độ chính sách của Công ty, cung cấp thông tin về nhân viên cho giám đốc đồng thời đưa ra quy định thủ tục hành chính hợp lí để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả nhất.

- **Phòng kinh doanh:** có chức năng nghiên cứu lập kế hoạch kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa dịch vụ đồng thời lập kế hoạch sản xuất, thực hiện các chính sách của Công ty trong quan hệ với bạn hàng.

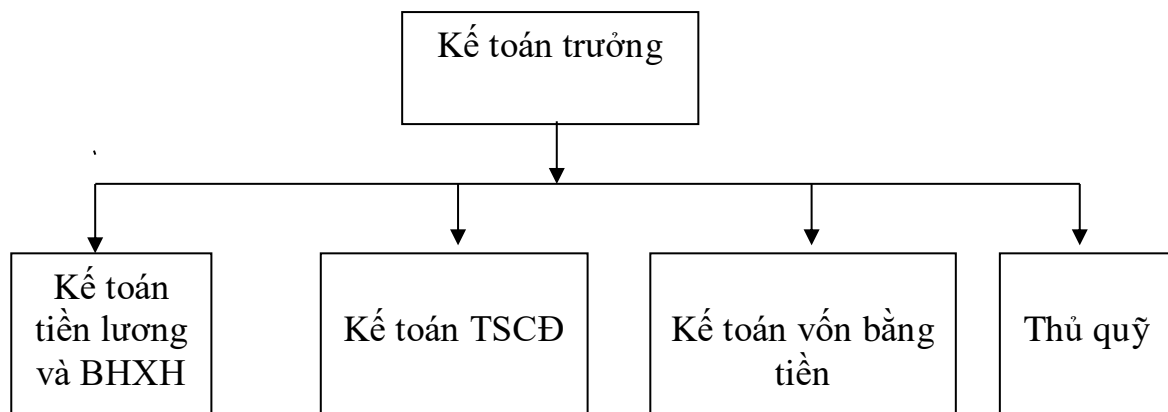
- **Phòng tài chính kế toán:** tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của đơn vị quản lí vốn, tài sản cố định, vật tư, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong từng thời kì, đề xuất cho giám đốc các phương án tổ chức kế toán hợp lí phù hợp với công ty, lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo đúng mẫu và thời gian quy định.

- **Phòng nhân sự:** có nhiệm vụ quản lí lao động, tình hình tuyển dụng lao động, khen thưởng, tăng lương trả thưởng cho cán bộ công nhân viên, thường xuyên báo cáo lên giám đốc tình hình lao động, đề xuất các biện pháp tiết kiệm lao động, tác động qua lại với các phòng ban.

- **Phòng kỹ thuật:** quản lí sử dụng, sửa chữa, mua sắm thiết bị, máy móc, xe phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Xây dựng phương án kỹ thuật cho các dự án các loại phương tiện xe tải đảm bảo tiến độ, an toàn chất lượng khối lượng cho các mặt hàng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

Bộ máy kế toán của Công ty theo mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ số liệu đều tập trung gửi về phòng Tài chính – Kế toán.



(Nguồn: phòng tài chính của Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán của Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

*** Nhiệm vụ chức năng của các thành viên:**

- **Kế toán trưởng:** là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty.

+ Nhiệm vụ của kế toán trưởng: tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, hợp lý phù hợp với quy mô phát triển của công ty và theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

+ Phân công lao động kế toán hợp lý, hướng dẫn toàn bộ công việc kế toán trong phòng kế toán, từng nhân viên kế toán phát huy được khả năng chuyên môn, tạo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận kế toán có liên quan, góp phần thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của kế toán cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để phục vụ cho việc chỉ đạo việc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Tổ chức kiểm kê định kỳ tài sản, vật tư tiền vốn, xác định giá trị tài sản theo mặt bằng thị trường.

+ Chịu trách nhiệm lập và nộp đúng hạn báo cáo quyết toán thống kê với chất lượng cao. Tổ chức bảo quản giữ tài liệu chứng từ, giữ bí mật các số liệu thuộc quy định của Nhà nước.

- **Kế toán tiền lương và BHXH:** có nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức kiểm tra, tổng hợp, lập báo cáo tài chính của công ty, giúp kế toán trưởng tổ chức bảo quản lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán. Tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các nội dung hạch toán còn lại như: nguồn vốn kinh doanh, các quỹ doanh nghiệp. Mặt khác kế toán tổng hợp còn kiêm luôn nhiệm vụ kế toán tiền lương và BHXH.

- **Kế toán TSCĐ và thanh toán:** có nhiệm vụ chủ yếu là phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm, tình hình sử dụng xe vận tải và các TSCĐ khác của công ty, tính khấu hao, theo dõi sửa chữa, thanh lý nhượng bán xe tải và các TSCĐ khác...và phối hợp với kế toán công nợ thanh toán công nợ, thanh toán với Nhà nước.

- **Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán công nợ:** theo dõi và hạch toán kế toán vốn bằng tiền, tài sản lưu động, nguồn vốn và theo dõi chi phí và các khoản công nợ nội bộ, thanh toán với ngân sách Nhà nước và phân phối lợi nhuận.

- **Thủ quỹ:** có nhiệm vụ chủ yếu sau

+ Bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt.

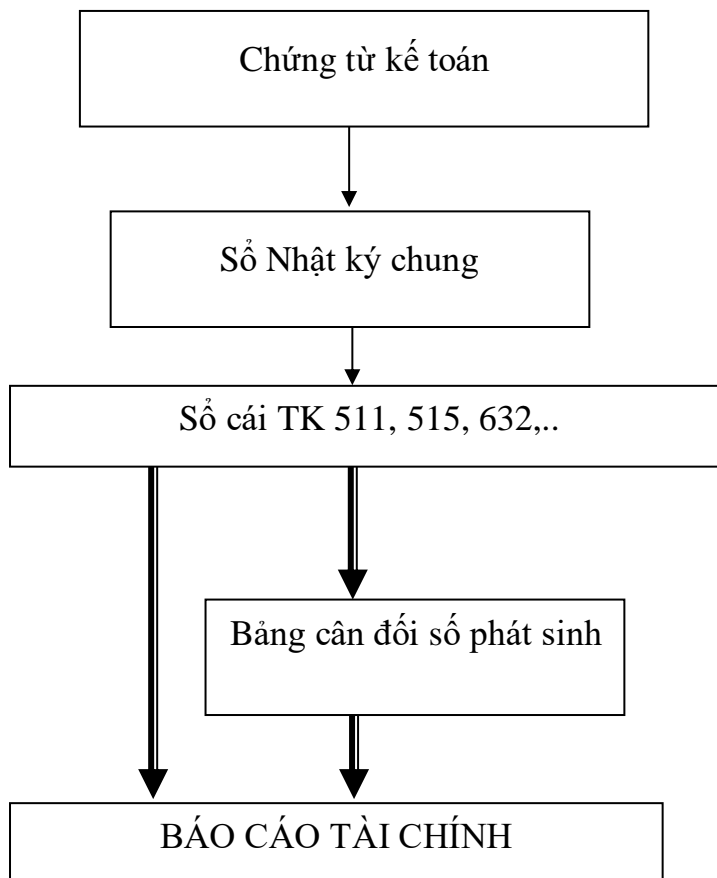
+ Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong két phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ. Thủ quỹ phải có trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý tiền mặt.

+ Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt ở tài khoản ngân hàng về nhập quỹ.

* Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng:

- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vốn xuất kho: Phương pháp giá đích danh.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Thuế GTGT khấu trừ.
- Chế độ kế toán áp dụng: Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.
- Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

- Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - > Đối chiếu

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
 - + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng cung cấp dịch vụ,...
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 511
- Ví dụ minh họa:

Ngày 25/12/2017, Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi nhận vận chuyển hành khách của Công ty TNHH tư vấn và truyền thông Đức Luật đi từ Cát Bi về thành phố Thái Bình và ngược lại với tổng tiền là 1.500.000đ(chưa thuế GTGT 10%) theo HĐ0000211, thanh toán bằng tiền mặt.

✚ Định khoản:

Nợ TK 111: 1.650.000

Có TK 511: 1.500.000

Có TK 3331: 150.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0000211 (Biểu số 2.1), Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 20/12 (Biểu 2.2) sau đó ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.3)

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000211

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/004		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: CB/17P		
Liên 3: Nội bộ			Số : 0000211		
Ngày 25 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TAXI CÁT BI					
Mã số thuế: 0201257206					
Địa chỉ: Số 586 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam					
Số tài khoản: 2100201337056 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Hải Phòng					
Điện thoại: 0225.3.666.222					
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH tư vấn và truyền thông Đức Luật					
Mã số thuế: 0313440425					
Địa chỉ: 6115 Phan Bội Châu, Phường 2, Q.Bình Thanh, TP. Hồ Chí Minh					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển hành khách từ sân bay Cát Bi đến TP. Thái Bình	Chuyến	1	750.000	750.000
2	Vận chuyển hành khách từ TP.Thái Bình về sân bay Cát Bi	Chuyến	1	750.000	750.000
Cộng tiền hàng:					1.500.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 150.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Giám đốc (Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.2: Phiếu thu số 20/12

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi		Mẫu số 01 - TT		
Số 586 Ngô Gia Tự, Phường Thành Tô, Quận Hải An		(Ban hành theo TT 200/2014-BTC		
Thành Phố Hải Phòng		ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
PHIẾU THU				
Ngày 25 tháng 12 năm 2017		Số: PT 20/12		
		Nợ TK 111: 1.650.000		
		Có TK 511: 1.500.000		
		Có TK 3331: 150.000		
Họ và tên người nộp : Công ty TNHH tư vấn và truyền thông Đức Luật				
Địa chỉ : Số 6115 Phan Bội Châu, phường 2, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh				
Lý do chi : Cước vận chuyên HĐ0000211				
Số tiền : 1.650.000				
Bằng chữ: Một triệu sáu trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn				
Kém theo : Chứng từ gốc				
		Ngày 25 tháng 12 năm 2017		
Gián đốc nộp	Kế toán trưởng	Người tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)

(*Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi*)

Biểu 2.3: Sổ Nhật ký chung

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Q.Hải An TP.Hải Phòng				Mẫu số S03a –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
01/12/1 6	HĐ 000020 1	01/12/1 6	Vận chuyển hành khách từ sân bay Cát Bi đến Quảng Ninh	111	550.000	
				511		500.000
				3331		50.000
					
25/12/1 6	HĐ 000021 1	25/12/1 6	Vận chuyển hành khách từ sân bay Cát Bi đến Thái Bình và ngược lại	111	1.650.000	
				511		1.500.000
				3331		150.000
					
			Cộng phát sinh		25.859.322.665	25.859.322.665
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 511 (Biểu 2.4)

Biểu 2.4: Sổ cái TK 511

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Q.Hải An TP.Hải Phòng				Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Số hiệu: 511						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
01/12/16	HD 0000201	01/12/16	Vận chuyển hành khách từ sân bay Cát Bi đến Quảng Ninh	111		500.000
					
25/12/16	HD 0000211	25/12/16	Vận chuyển hành khách từ sân bay Cát Bi đến Thái Bình và ngược lại	111		1.500.000
					
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	2.606.025.250	
			Cộng số phát sinh		2.606.025.250	2.606.025.250
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

2.2.1.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu kế toán
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 632

Việc tập hợp chi phí cấu thành giá vốn dịch vụ được tập hợp trên TK 154, từ TK 154 kết chuyển sang TK 632. Các chi phí liên quan đến tập hợp chi phí cấu thành giá vốn dịch vụ: chi phí xăng dầu, tiền lương nhân viên lái xe, chi phí sửa chữa xe, chi phí bãi đậu xe,...

Biểu 2.5: Sổ cái TK 154

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi
Số 586 Ngô Gia Tự, Q.Hải An
TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b –DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Loại TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
01/12/16	HĐ1077	01/12/16	Chi phí sửa chữa xe	331	4.080.000	
					
17/12/16	HĐ031324	17/12/16	Chi phí xăng dầu	111	8.493.000	
					
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển sang giá vốn	632		2.224.836.344
			Cộng số phát sinh		2.224.836.344	2.224.836.344
			SDCK			

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.6: Sổ Nhật ký chung

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Q.Hải An TP.Hải Phòng			Mẫu số S03a -DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Phát sinh giá vốn hàng bán trong kỳ	632	2.224.836.433	
				154		2.224.836.433
					
			Cộng phát sinh		25.859.322.665	25.859.322.665
Người ghi sổ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.6) kế toán tiến hành ghi vào sổ cái TK 632 (Biểu 2.7)

Biểu 2.7: Sổ cái TK 632

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Q.Hải An TP.Hải Phòng			Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Giá vốn hàng bán Số hiệu: 632						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Phát sinh giá vốn hàng bán trong kỳ	154	2.224.836.344	
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		2.224.836.344
			Cộng số phát sinh		2.224.836.344	2.224.836.344
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
 - + Bảng thanh toán lương
 - + Bảng tính khấu hao và phân bổ khấu hao
- Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 641: Chi phí bán hàng
 - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 641, 642
- Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 05/12/2017, Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2017 theo HĐ0567936. Số tiền ghi trên hóa đơn là 869.924 (chưa thuế GTGT 10%) bằng tiền mặt.

✚ Định khoản:

Nợ TK 641: 869.924

Có TK 133: 86.992

Có TK 111: 956.916

Căn cứ vào HĐ0567936 (Biểu số 2.8), Kế toán tiến hành lập phiếu chi số 09/12 (Biểu 2.9) sau đó ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.12)

Biểu 2.9: Phiếu chi số 09/12

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi
Số 586 Ngô Gia Tự, Quận Hải An
tỉnh Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 12 năm 2017

Số: 09/12

Nợ TK 641: 869.924

Nợ TK 133: 86.992

Có TK 111: 956.916

Họ và tên người nhận :Nguyễn Thị Lương

Địa chỉ : Công ty dịch vụ viễn thông VNPT Hải Phòng

Lý do chi : Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông tháng 11/2017

Số tiền : 956.916

Bằng chữ: Chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm mười sáu đồng

Kém theo : Chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 12 năm 2017

Gián đốc

**Kế toán
trưởng**

**Người
nhận tiền**

**Người lập
phiếu**

Thủ quỹ

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Ví dụ 2: Ngày 07/12/2017, Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi thanh toán tiền mua văn phòng phẩm phục vụ bộ phận quản lý theo HĐ0003725 với số tiền ghi trên hóa đơn là 1.365.000 (chưa thuế GTGT 10%) bằng tiền mặt.

✚ Định khoản:

Nợ TK 642: 1.365.000

Có TK 133: 136.500

Có TK 111: 1.501.500

Căn cứ vào HĐ0003725 (Biểu số 2.10), Kế toán tiến hành lập phiếu chi số 12/12 (Biểu 2.11) sau đó ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.12)

Biểu 2.10: Hóa đơn GTGT số 0003725

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/002		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: GT/17P		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Số : 0003725		
Ngày 07 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM BẠCH ĐĂNG					
Địa chỉ: Số 433 Nguyễn Văn Linh, P.Kênh Liêm, Q.Lê Chân, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 0988.119.646			MST: 0201742756		
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi					
Địa chỉ: Số 586 Ngô Gia Tự, Q.Hải An, TP.Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			MST: 0201257206		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Bìa kẹp A4 FO	Cái	05	32.000	160.000
2	Bìa 60 lá A4 FO	Cái	10	58.000	580.000
3	File 5 ngăn	Cái	05	128.000	625.000
Cộng tiền hàng:					1.365.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		136.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.501.500
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm linh một nghìn lăm trăm đồng.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Giám đốc (Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.11: Phiếu chi số 12/12

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Quận Hải An tỉnh Hải Phòng	Mẫu số 02 – TT (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
PHIẾU CHI				
Ngày 07 tháng 12 năm 2017				
Số: 12/12	Nợ TK 642: 1.365.000			
	Nợ TK 133: 136.500			
	Có TK 111: 1.501.500			
Họ và tên người nhận :Bùi Thị Huyền				
Địa chỉ : Công ty cổ phần văn phòng phẩm Bạch Đằng				
Lý do chi : Thanh toán tiền mua đồ dung văn phòng				
Số tiền : 1.501.500				
Bằng chữ: Một triệu lăm trăm linh một nghìn lăm trăm đồng				
Kém theo : Chứng từ gốc				
Ngày 07 tháng 12 năm 2017				
Gián đốc (Đã ký)	Kế toán trưởng (Đã ký)	Người nhận tiền (Đã ký)	Người lập phiếu (Đã ký)	Thủ quỹ (Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.12: Sổ Nhật ký chung

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Quận Hải An TP.Hải Phòng			Mẫu số S03a –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
05/12/16	HĐ 0567936	05/12/16	Thanh toán tiền cước viển thông tháng 11/2017	641	869.924	
				133	86.992	
				111		956.916
					
07/12/16	HĐ 0003725	07/12/16	Thanh toán tiền mua đồ dung văn phòng	642	1.365.000	
				133	136.500	
				111		1.501.500
					
			Cộng phát sinh		25.859.322.665	25.859.322.665
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (biểu 2.12), kế toán tiến hành ghi sổ cái TK641 (biểu số 2.13) và sổ cái TK642 (biểu số 2.14)

Biểu 2.13: Sổ cái TK641

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Quận Hải An TP.Hải Phòng			Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Chi phí bán hàng Số hiệu: 641						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
05/12/16	HD 0567938	05/12/16	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2017	111	869.924	
					
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		49.436.709
			Cộng số phát sinh		49.436.709	49.436.709
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.14: Sổ cái TK642


Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Quận Hải An TP.Hải Phòng			Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp Số hiệu: 642						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
07/12/16	HD 0003725	05/12/16	Thanh toán tiền mua đồ dùng văn phòng	111	1.365.000	
					
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		70.563.291
			Cộng số phát sinh		70.563.291	70.563.291
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

- Chứng từ sử dụng:
 - + Sổ phụ ngân hàng
 - + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
 - + Tài khoản 635: Chi phí tài chính.
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 515, TK 635
- Ví dụ minh họa:

Ngày 22/12/2017 Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi nhận được thông báo về số tiền lãi nhập gốc tháng 12 của ngân hàng với số tiền là 271.080

 Định khoản:

Nợ TK 112: 271.080

Có TK 515: 271.080

Căn cứ vào Giấy báo có (Biểu 2.15) kế toán tiến hành ghi số Nhật ký chung (Biểu 2.17).

Biểu 2.15: Giấy báo có ngân hàng Vietcombank



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 22 tháng 12 năm 2017

Mã GDV: TTT

Mã KH: VC/18T

Số GD: 0100112437

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TAXI CÁT BI

Mã số thuế: : 0201257206

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 0951004178460

Số tiền bằng số: 271.080

Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi một nghìn không tám mươi đồng

Nội dung: Trả lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Ngày 25/12/2017 Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi nhận được giấy thông báo tiền lãi vay của ngân hàng BIDV với số tiền là 1.601.000 bằng chuyển khoản.


✚ Định khoản:

Nợ TK 635: 1.601.000

Có TK 112: 1.601.000

Căn cứ vào giấy báo nợ (Biểu 2.16) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17)

Biểu 2.16: Giấy báo nợ ngân hàng BIDV

 <p>BIDV NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM</p>	<p>GIẤY BÁO NỢ Ngày 25/12/2017</p>	<p>Mã GDV: Mã KH: Số GD: 08636</p>
<p>Ngân hàng BIDV Chi nhánh: HẢI PHÒNG</p>		
<p>Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TAXI CÁT BI Mã số thuế: 0201257206</p>		
<p>Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau: Số tài khoản ghi Nợ: 00100000681666 Số tiền bằng số: 1.601.000 Số tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm linh một nghìn đồng. Nội dung: Lãi tiền vay</p>		
<p>GIAO DỊCH VIÊN</p>		<p>KIỂM SOÁT</p>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.17: Sổ Nhật ký chung

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Quận Hải An TP.Hải Phòng			Mẫu số S03a –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
22/12/16	GBC 0100112437	22/12/16	Lãi nhập gốc	112	271.080	
				515		271.080
					
25/12/16	GBN 8636	25/12/16	Chi phí lãi vay	635	1.601.000	
				112		1.601.000
					
					
			Cộng phát sinh		25.859.322.665	25.859.322.665
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.17), kế toán tiến hành ghi số cái TK 515 (Biểu 2.18) và số cái TK635 (biểu số 2.19)

Biểu 2.18: Sổ cái TK 515

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi
Số 586 Ngô Gia Tự, Quận Hải An
TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b –DN
(Ban hành theo TT 200/2014-
BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài
Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017
Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu: 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
22/12/16	GBC 0100112437	22/12/16	Lãi nhập gốc	112	271.080	
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		3.252.960
			Cộng số phát sinh		3.252.960	3.252.960
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.19: Sổ cái TK635

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự, Quận Hải An TP.Hải Phòng			Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Chi phí tài chính Số hiệu: 635						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
25/12/16	GBN 8683	25/12/16	Chi phí tài chính	112	1.601.000	
					
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển chi phí tài chính	911		125.090.463
			Cộng số phát sinh		125.090.463	125.090.463
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

2.2.3. Nội dung kế toán doanh thu khác, chi phí khác hoạt tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

Trong năm Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK711 và TK 811

2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu kế toán
- Sổ kế toán sử dụng:
 - + Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”
 - + Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”
 - + Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”
- Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/16 Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển cuối năm 2017. Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632, 641,642, 635 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 13 (Biểu 2.20) để kết chuyển chi phí.

Biểu 2.20: Phiếu kế toán số 13

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An- TP.Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số: 13				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	2.224.836.344
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	653	125.090.463
3	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	49.436.709
4	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	70.563.291
	Cộng			2.469.926.807
Người lập			Kế toán trưởng	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511 và sổ cái TK 515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 14 (Biểu số 2.21) để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 14

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An- TP.Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số: 14				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	2.606.025.250
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3.252.960
	Cộng			2.609.278.210
Người lập			Kế toán trưởng	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 13 và Phiếu kế toán số 14 kế toán ghi vào sổ nhật chung (Biểu 2.25).

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK511 (Biểu số 2.4), sổ cái TK 632 (Biểu số 2.7), sổ cái TK 641 (Biểu số 2.13), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.14), sổ cái TK 515 (Biểu 2.17), sổ cái TK 635 (Biểu 2.18), sổ cái TK 911 (Biểu số 2.25)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 15 (Biểu số 2.22) phản ánh thuế TNDN phải nộp.

Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 15

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An- TP.Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số: 15				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017	821	3334	27.870.281
	Cộng			27.870.281
Người lập		Kế toán trưởng		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 15, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.25).

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK821 (Biểu số 2.27). Căn cứ vào sổ cái TK821, kế toán lập Phiếu kế toán số 16 (Biểu số 2.23) phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế năm 2017.

Biểu 2.23: Phiếu kế toán số 16

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An- TP.Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Số: 16				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN năm 2017	911	821	27.870.281
	Cộng			27.870.281
Người lập			Kế toán trưởng	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 16, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.25).

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK821 (Biểu số 2.27), Tài khoản 911 (Biểu số 2.26)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán lập phiếu kế toán số 17 (Biểu số 2.24) phản ánh kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Biểu 2.24: Phiếu kế toán số 17

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An- TP.Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số: 17				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	111.481.122
	Cộng			111.481.122
Người lập			Kế toán trưởng	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 17, Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.25)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK911 (Biểu số 2.26), sổ cái TK821 (Biểu số 2.27), sổ cái TK421 (Biểu số 2.28).

Căn cứ vào các sổ cái và các phiếu kế toán Kế toán tiến hành lập Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 (Biểu số 2.29)

Biểu 2.25: Sổ Nhật ký chung

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An TP.Hải Phòng				Mẫu số S03a- DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
31/12/16	PKT14	31/12/16	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	2.606.025.250	
				515	3.252.960	
				911		2.609.278.210
31/12/16	PKT13	31/12/16	Kết chuyển chi phí	911	2.469.926.807	
				632		2.224.836.344
				635		125.090.463
				641		49.436.709
				642		70.563.291
31/12/16	PKT15	31/12/16	Chi phí thuế TNDN năm 2017	821	27.870.281	
				3334		27.870.281
31/12/16	PKT16	31/12/16	Kết chuyển thuế TNDN năm 2017	911	27.870.281	
				821		27.870.281
31/12/16	PKT17	31/12/16	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	111.481.122	
				421		111.481.122
			Cộng phát sinh		25.859.322.665	25.859.322.665
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.26: Sổ cái TK 911

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An TP.Hải Phòng			Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh Số hiệu: 911						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		2.606.025.250
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		3.252.960
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	2.224.836.344	
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển chi phí tài chính	635	125.090.463	
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	49.436.709	
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	70.563.291	
31/12/16	PKT 16	31/12/16	Kết chuyển thuế TNDN	821	27.870.281	
31/12/16	PKT 17	31/12/16	Lợi nhuận sau thuế	421	111.481.122	
			Cộng số phát sinh		2.609.278.210	2.609.278.210
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.27: Sổ cái TK 821

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An TP.Hải Phòng	Mẫu số S03b- DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Số hiệu: 821	

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/16	PKT 15	31/12/16	Chi phí thuế TNDN năm 2017	3334	27.870.281	
31/12/16	PKT 16	31/12/16	Kết chuyển thuế TNDN năm 2017	911		27.870.281
			Cộng số phát sinh		27.870.281	27.870.281
			SDCK			

Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--	--

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.28: Sổ cái TK 421

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi
Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An
TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b- DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Loại TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			93.992.283
					
31/12/16	PKT 17	31/12/16	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		111.481.122
			Cộng số phát sinh		93.992.283	111.481.122
			SDCK			111.481.122

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

Biểu 2.29: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự- Quận Hải An TP.Hải Phòng		Mẫu số B02 –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH Năm 2017					
STT	Chỉ tiêu	Mã	Mã thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.606.025.250	2.088.490.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		2.606.025.250	2.088.490.000
4	Giá vốn hàng bán	11		2.224.836.344	1.737.335.997
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		381.188.906	351.154.003
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.252.960	187.945
7	Chi phí tài chính	22		125.090.463	156.899.677
	- Chi phí lãi vay	23		125.090.463	156.899.677
8	Chi phí bán hàng	25		49.436.709	47.378.149
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		70.563.291	69.573.768
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26)	30		139.351.403	117.490.354
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		139.351.403	117.490.354
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		27.870.281	23.498.071
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		111.481.122	93.992.283
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lập ngày 10 tháng 01 năm 2017

Người lập
(Đã ký)

Kế toán
trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TAXI CÁT BI

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về công tác quản lý:

- Đội ngũ cán bộ, công nhân của công ty làm việc chăm chỉ, năng động, siêng năng học hỏi.

- Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty dễ dàng hoạt động và quản lý.

❖ Về công tác kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, phân công công việc rõ ràng, mỗi người phụ trách một mảng riêng đảm bảo công việc nhưng vẫn phối hợp rất ăn ý và chặt chẽ.

- Các kế toán thường xuyên kiểm tra đối chiếu sổ sách, số liệu để kịp thời theo dõi các hoạt động của công ty.

❖ Về hệ thống chứng từ sổ sách:

- Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung đây là hình thức kế toán phổ biến và đơn giản trong việc quản lý, phù hợp với quy mô của công ty.

- Phương pháp hạch toán hành tồn kho: Là phương pháp kê khai thường xuyên giúp kế toán dễ dàng quản lý tình hình nhập- xuất- tồn kho.

❖ Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí phát sinh được ghi chép kịp thời, tỉ mỉ, cẩn thận, đầy đủ.

- Các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu được ghi nhận đảm bảo các quy định của chế độ kế toán về điều kiện ghi nhận doanh thu.

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2. Hạn chế

3.1.2.1 Về ứng dụng phần mềm kế toán

Doanh nghiệp chưa áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nên kế toán phải làm trên excel. Do khối lượng công việc hàng ngày phát sinh nhiều gây khó khăn trong công cho kế toán tác kế toán, đôi khi công việc bị chậm và gây áp lực công việc cho kế toán. Vì vậy công ty nên đầu tư

phần mềm kế toán phù hợp với tính chất công việc của doanh nghiệp, để tăng hiệu quả của công tác kế toán.

3.1.2.2 Về công tác theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn hàng bán

Hiện nay Công ty chưa mở bảng tổng hợp theo dõi doanh thu, chi phí của tất cả các xe trong hãng nên việc đánh giá hiệu quả kinh doanh gặp khó khăn.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các nhà quản trị công ty cần sử dụng các thông tin do kế toán cung cấp. Thông tin kế toán là nguồn tài nguyên quan trọng nhất. Nó làm cơ sở cho quá trình ra quyết định phân phối, điều hòa nguồn nhân lực, trợ giúp công ty trong mục đích kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Vì vậy việc nâng cao công tác quản lý, cung cấp thông tin kịp thời, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi là rất quan trọng.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để bộ máy kế toán hoàn thiện hơn thì cần phải đảm bảo những tiêu chí sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc hay dập khuôn theo chế độ nhưng phải trong khuôn khổ.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.
- Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty phải đảm bảo được các yêu cầu sau:
 - + Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.
 - + Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi.
 - + Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

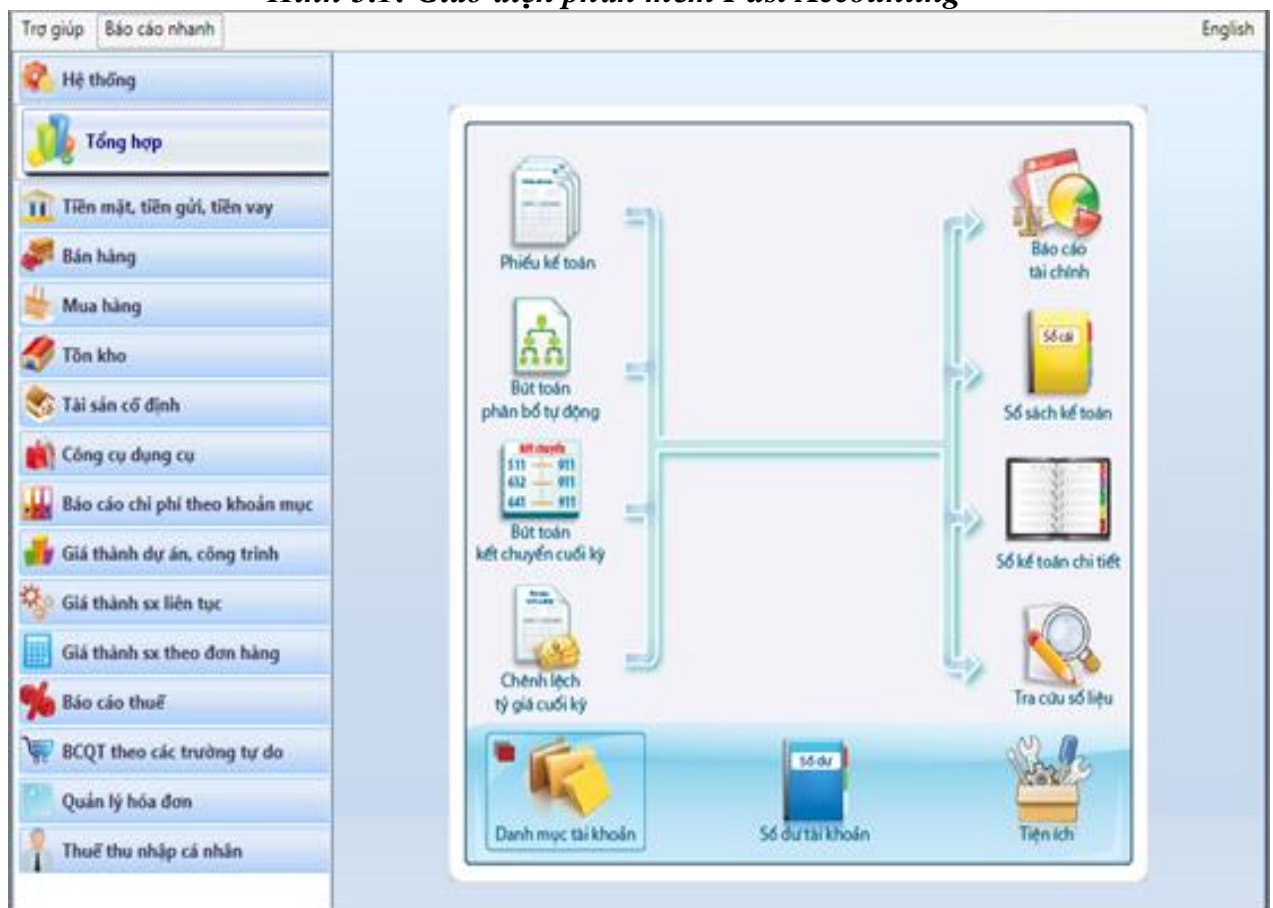
+ Đảm bảo thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành.

3.4. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

3.4.1. Kiến nghị 1: Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

- Lý do kiến nghị: Hiện tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi vẫn đang sử dụng Excel trong công tác kế toán. Nhưng ứng dụng Excel làm cho công ty tốn rất nhiều thời gian cũng như nhân lực mà đem lại hiệu quả không triệt để.
- Mục tiêu giải pháp: Cải thiện công tác quản lý, thu thập, xử lý số liệu của phòng kế toán. Tiết kiệm thời gian cũng như khối lượng công việc cho các nhân viên kế toán.
- Cách thức tiến hành giải pháp: Mua phần mềm kế toán chuyên nghiệp. Trên thị trường có rất nhiều phần mềm phục vụ cho công tác kế toán: Misa, Vacom, Fast,..
- Giao diện phần mềm Fast Accounting

Hình 3.1: Giao diện phần mềm Fast Accounting



- Bảng giá phần mềm Fast Accounting

Bảng 3.1: Bảng báo giá phần mềm Fast Accounting

STT	Loại hình doanh nghiệp	Giá phần mềm
1	Dịch vụ	5.900.000
2	Thương mại	7.900.000
3	Xây lắp	9.900.000
4	Sản xuất	11.900.000

- Hiệu quả của giải pháp: Khi sử dụng phần mềm kế toán việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm được thời gian, chi phí, sức lao động và nâng cao hiệu quả công việc. Các dữ liệu được bảo quản thuận lợi, an toàn và chuyên nghiệp hơn.

3.4.2. Kiến nghị 2: Mở sổ mở bảng tổng hợp theo dõi doanh thu, chi phí của tất cả các xe trong hãng.

- Lý do kiến nghị: Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi hiện tại vẫn chưa theo dõi chi tiết chi phí và doanh thu của từng xe trong hãng, gây khó khăn trong việc tính chi phí và doanh thu của các xe trong hãng.

- Mục tiêu giải pháp: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể, chi tiết đến từng xe và theo dõi doanh thu, giá vốn, thuận lợi gộp chi tiết theo từng xe.

- Cách thức tiến hành: Mở sổ bảng tổng hợp theo dõi doanh thu, chi phí của từng xe và tất cả các xe trong hãng

- Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp: Nếu công ty mở bảng tổng hợp theo dõi doanh thu, chi phí của từng xe sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp của từng xe và đưa ra những quyết định đúng đắn: thu hẹp hay mở rộng lĩnh vực kinh doanh của công ty.

Ví dụ minh họa: Ngày 01/12/2017 tiến hành giao xe cho các tài xế đến ngày 31/12/2017 kế toán tiến hành việc nhận xe và cùng các hóa đơn tiền sửa chữa và tiền xăng từ các tài xế. Từ đó kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp theo dõi doanh thu, chi phí của từng xe và các xe trong hãng

Biểu 3.3: Bảng tổng hợp theo dõi doanh thu, chi phí của từng xe

Công ty cổ phần vận tải Cát Bi Số 586 Ngô Gia Tự - Quận Hải An- TP.Hải Phòng										
SỔ BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI DOANH THU, CHI PHÍ CỦA TỪNG XE Tháng 12 Năm 2017										
Thông tin xe: 15B- 024.92					Tên tài xế: Hoàng Nhật Long					
STT	Ngày tháng	Chỉ số			Đơn giá	Thành tiền	Chi phí xăng dầu	Chi phí sửa chữa	Chiết khấu	Doanh thu
		Giao xe	Nhận xe	Quãng đường						
1	01/12/2016	12456	12360	96	10.500	1.008.000	600.000	0	151.200	256.800
2	02/12/2016	12376	12296	80	10.500	840.000	0	250.000	126.000	464.000

31	31/12/2016	14699	14609	90	10.500	945.000	550.000	0	141.750	253.250
Tổng				2.153		22.606.500	4.950.000	250.000	3.390.975	14.015.525
Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)							Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Người lập (Ký, ghi rõ họ tên)			

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

- Ban lãnh đạo doanh nghiệp cần kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.
- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ cho công tác kế toán.
- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phân hành và giữa các phân với nhau trong việc sử dụng chứng từ, luân chuyển chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.
- Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi em đã vận dụng kiến thức được học ở trường vào thực tế sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi

Kết quả bài viết

- Về lý thuyết: Hệ thống quá được cơ sở lý luận về khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Về thực tiễn: Mô tả được chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi.

Trên cơ sở đánh giá ưu, nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải taxi Cát Bi đã đưa ra một số kiến nghị:

- Kiến nghị về việc sử dụng phần mềm kế toán.
- Kiến nghị về lập bảng tổng hợp theo dõi doanh, thu chi của từng xe trong hãng.

Em xin chân thành cảm ơn !

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)- Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài Chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)- Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động và xã hội.